



KẾ VỊ TÔNG ĐỒ

từ Thánh Tôma Tông đồ cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

ĐỨC GIÁM MỤC

GARLAND F. BYERS, JR., J.D., D.D.

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ



1. THÁNH TÔMA, TÔNG ĐỒ VÀ TỬ ĐẠO^{CO}

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên

được nêu tên trong Kinh Thánh: được kể tên trong Nhóm Mười Hai (Ma-thi-ơ 10:3); “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi!” (Giăng 20:28)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Tôma, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Tôma đến Shimun XVIII Rubil, Giáo chủ-Thượng phụ Phương Đông, theo danh sách các giáo chủ-thượng phụ do Giáo hội Assyria Phương Đông lưu giữ: chính là danh sách mà Giáo hội Phương Đông dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Tôma Tông đồ.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ

trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

SELEUCIA-CTESIPHON

Giáo hội Phương Đông, Giáo hội nhận Thánh Tôma Tông đồ là đấng sáng lập, cùng với Thánh Tadêô (Addai), một trong Bảy Mươi môn đệ, được Thánh Tôma sai đến Edessa, và Thánh Mari. Các giáo chủ-thượng phụ Phương Đông, có tòa tại Seleucia-Ctesiphon và về sau tại Baghdad, từ Thánh Tadêô (Addai) cho đến Shemon VII Ishoyabb.

2. Thánh Tadêô (Addai), một trong Bảy Mươi môn đệ ^{CO}	khoảng năm 33
3. Aggai	khoảng năm 66
4. Th. Mari ^C	khoảng năm 81
5. Abris	khoảng năm 121
6. Abraham I	khoảng năm 159
7. Yaqob I	khoảng năm 190
8. Ahadabui	khoảng năm 204
9. Shahlufa	khoảng năm 220
10. Papa bar Aggai	khoảng năm 280
11. Th. Shemon bar Sabbac ^{CO} <i>Tử đạo</i>	329
12. Th. Shahdost ^{CO} <i>Tử đạo</i>	341
13. Th. Barba'shmin ^{CO} <i>Tử đạo</i>	343
14. Tomarsa	363

15. Qayyoma	377
16. Isaac	399
17. Ahha	410
18. Yahballaha I	415
19. Maana	420
20. Farbokht	421
21. Dadisho	421
22. Babowai	457
23. Acacius	485
24. Babai	497
25. Shila	503
26. Elisha	524
27. Paul	539
28. Aba I	540
29. Joseph	552
30. Ezekiel	570
31. Ishoyahb I	582
32. Sabrisho I	596
33. Gregory	605
34. Ishoyahb II	628
35. Maremmeh	646

36. Ishoyahb III	649
37. Giwargis I	661
38. Yohannan I	680
39. Hnanisho I	686
40. Sliba-zkha	714
41. Pethion	731
42. Aba II	741
43. Yaqob II	754
44. Hnanisho II	775
45. Timothy I	780
46. Isho bar Nun	823
47. Giwargis II	828
48. Sabrisho II	831
49. Abraham II	837
50. Theodosius	853
51. Sargis	860
52. Enosh	877
53. Yohannan II	884
54. Yohannan III	893
55. Yohannan IV	900
56. Abraham III	906
57. Emmanuel I	937
58. Israel	961
59. Abdisho I	963
60. Mari II	987
61. Yohannan V	1000
62. Yohannan VI	1012
63. Ishoyahb IV	1020
64. Eliya I	1028
65. Yohannan VII	1049
66. Sabrisho III	1064
67. Abdisho II	1074
68. Makkikha I	1092
69. Eliya II	1111

70. Bar Sawma	1134
71. Abdisho III	1139
72. Ishoyahb V	1149
73. Eliya III	1176
74. Yahballaha II	1190
75. Sabrisho IV	1222
76. Sabrisho V	1226
77. Makkikha II	1257
78. Denha I	1265
79. Yahballaha III	1281
80. Timothy II	1318
81. Denha II	1336
82. Shemon II	khoảng năm 1385
83. Eliya IV	khoảng năm 1405
84. Shemon III	khoảng năm 1425
85. Shemon IV	khoảng năm 1437
86. Shemon V	1497
87. Eliya V	1502
88. Shemon VI	1504
89. Shemon VII Ishoyahb	1539

DÒNG KẾ VỊ SHIMUN

Từ năm 1553, các giáo chủ-thượng phụ thuộc dòng Shimun, những vị mà Giáo hội Phươg Đông coi là những người kế vị Thánh Addai và Thánh Mari, đến Shimun XVIII Rubil.

90. Shimun VIII Yohannan Sulaqa	1553
91. Abdisho IV Maron	1555
92. Yahballaha IV	1577
93. Shimun IX Dinkha	1580
94. Shimun X Eliya	1600
95. Shimun XI Eshuyow	1638
96. Shimun XII Yoalaha	1656
97. Shimun XIII Dinkha	1662
98. Shimun XIV Shlemon	1700

- 99. Shimun XV Maqdassi Mikhail 1740
- 100. Shimun XVI Yohannan 1780
- 101. Shimun XVII Abraham 1820
- 102. Shimun XVIII Rubil 1861

ẤN ĐỘ

Từ Mar Abdisho, được Thượng phụ Shimun XVIII tấn phong làm Tổng giám mục đô thành Ấn Độ năm 1862, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình.

- 103. Anthony Thondanatt (Mar Abdisho) 1862
- 104. Luis Mariano Soares (Mar Basilius) 1899

ANH

Từ Mar Jacobus, được tấn phong năm 1902 làm Giám mục Mercia, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên

- trước mình.*
- 105. Ulric Vernon Herford (Mar Jacobus) ... 1902
 - 106. William Stanley McBean Knight (Mar Paulus) ... 1925
 - 107. Hedley Coward Bartlett 1931
 - 108. Hugh George de Willmott Newman (Mar Georgius) ... 1945
 - 109. Richard Kenneth Hurgon 1946

THỤY ĐIỂN VÀ HOA KỲ

Từ Bertil Persson, người Thụy Điển, cho đến vị giám mục đã mang dòng kế vị này đến ngày nay.

- 110. Nils Bertil Alexander Persson 1985
- 111. Samuel Guido, Jr. 2004

112.

GARLAND F. BYERS, JR. 2013

DÒNG KẾ VỊ CHUNG VỚI GIÁO CHỦ-THƯỢNG PHỤ PHƯƠNG ĐÔNG

Giáo chủ-Thượng phụ của Giáo hội Assyria Phương Đông hiện nay, Mar Awa III, và Đức Giám mục Byers cùng chung dòng kế vị các giáo chủ-thượng phụ Phương Đông, theo danh sách mà Giáo hội ấy lưu giữ, từ Thánh Tôma Tông đồ và Thánh Tãđêô (Addai) cho đến Mar Shimun XVIII Rubil (Giáo chủ-Thượng phụ 1861–1903), vị đã tấn phong Mar Abdisho (Anthony Thondanatt) năm 1862, trong dòng kế vị của Đức Giám mục Byers.



BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

Lễ phong chức
 Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul’s Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

PHỤC VỤ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận

Tấn phong giám mục

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong

Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Giám mục Bradley A. Varvil

Giám mục Michael Byus

Giám mục James Thompson

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với

hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang [Về Đức](#)

[Giám mục](#).

Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ hoa bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn “Ááy” thành “Ấy”); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Ảnh thánh Thánh Tôma Tông đồ, thế kỷ XIV; bản gốc hiện ở Bảo tàng Giáo hội của Tòa Tổng giáo phận Thánh Thessaloniki. Ảnh chụp của Herbert Frank, lấy từ [Wikimedia Commons](#), theo giấy phép [CC BY 2.0](#); đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.